

Thang đo sức mạnh thị trường



31 Tháng Ba 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,191.44	0.43	1.97	79.83
HNX	286.67	1.96	15.03	209.44
UPCOM	81.41	0.97	6.23	70.53
MSCI EM	1,319.50	0.72	-1.48	55.49
NIKKEI	29,178.80	-0.86	0.73	54.25
HANG SENG	28,378.35	-0.70	-2.08	20.23
KOSPI	3,061.42	-0.28	1.61	74.48
FTSE	6,749.53	-0.33	4.10	19.00
S&P 500	3,958.55	-0.32	3.87	53.16
NASDAQ	13,045.39	-0.11	-1.11	69.42

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.44	2.49	13.61
SET INDEX	39.78	1.74	4.35
JCI INDEX	22.63	1.54	5.38
PCOMP INDEX	24.81	1.59	7.09

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.10	-1	1	-160
10 năm	2.40	0	4	-102

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,076	-0.02	-0.25	2.43
US\$/KRW	1,132	0.15	-0.75	7.66
US\$/JPY	111	-0.26	-3.52	-2.81
US\$/EUR	0.85	-0.25	2.60	-6.06
US\$/GBP	0.73	-0.22	1.13	-9.86
US\$/SGD	1.34	0.26	-1.22	5.78

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	625	599	335
HNX	111	101	42
UPCOM	36	49	21

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Đà tăng tiếp tục được duy trì

Mặc dù chịu áp lực chốt lời của nhà đầu tư, tuy nhiên VN-Index vẫn giữ được sắc xanh tới khi đóng phiên giao dịch ở mốc 1,191 điểm (+0,43% YoY).

Hỗ trợ giúp đà tăng được duy trì có sự đóng góp tích cực của MSN và VHM khi lần lượt 2 mã đóng góp 1,25 điểm và 0,87 điểm vào điểm tăng VN-Index. Ở chiều ngược lại, VNM tác động lớn ở chiều giảm điểm với điểm số 0,44 điểm.

FLC và ROS là tâm điểm của dòng tiền đầu cơ khi có biến động mạnh trong ngày. Tuy nhiên, hai mã này vẫn chốt phiên tăng hơn 1%.

Khối ngoại tiếp tục duy trì vị thế bán ròng của mình với giá trị hơn 234 tỷ ở trên cả 2 sàn HSX và HNX. Trong đó, CTG và VNM là 2 mã chịu áp lực bán ròng mạnh của khối ngoại với giá trị lần lượt đạt 151 tỷ và 139 tỷ. Còn ở chiều ngược lại, VIC là mã thu hút được sự mua ròng với giá trị đạt 394 tỷ.

Với nhiều phiên tăng điểm liên tiếp đã cải thiện điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index về mức 0 điểm TRUNG TÍNH. Đây cũng được đánh giá là xu hướng tích cực hỗ trợ giúp VN-Index có thể kiểm định ngưỡng 1,200 điểm.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	4	KHẢ QUAN
Kospi	6	KHẢ QUAN
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

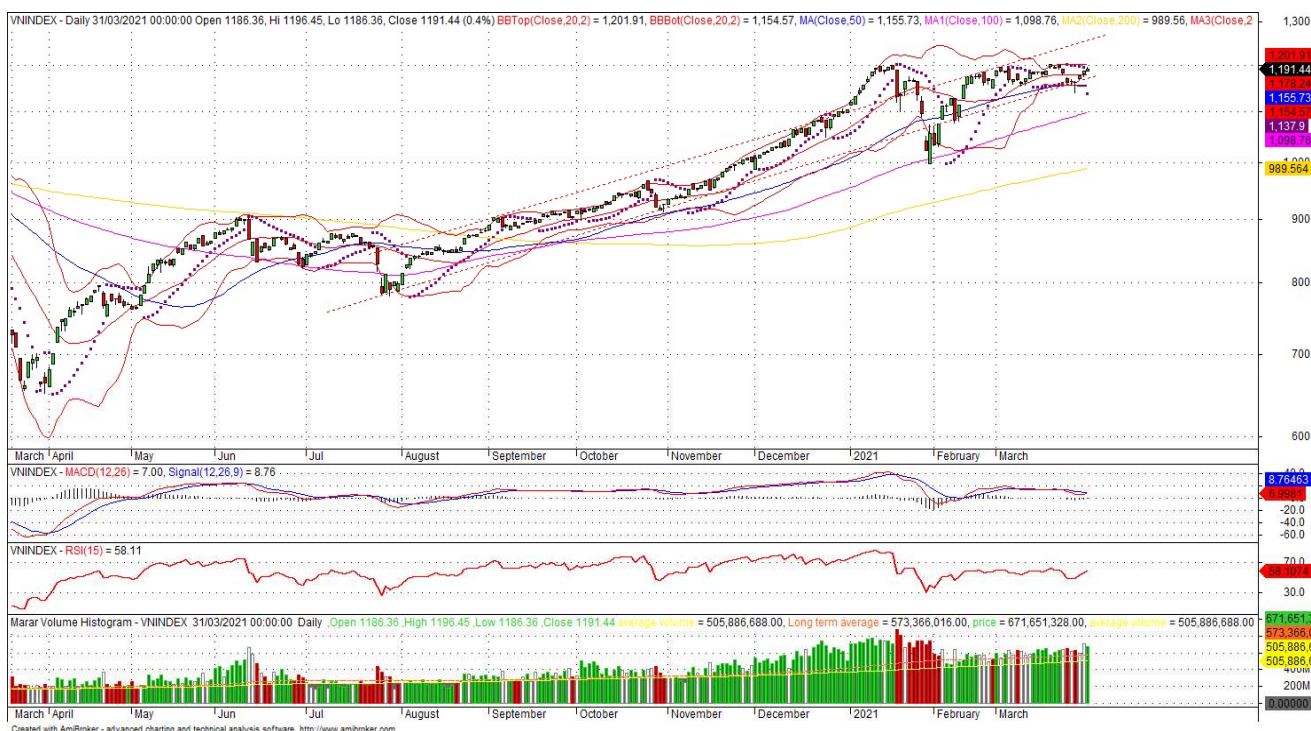
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (31/03/2021)	1.186	Kháng cự 1 1.200
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.100
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.000

Khoảng cách với 1,200 điểm được thu hẹp một cách đáng kể, xu hướng kiểm định 1.200 điểm trong ngắn hạn

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

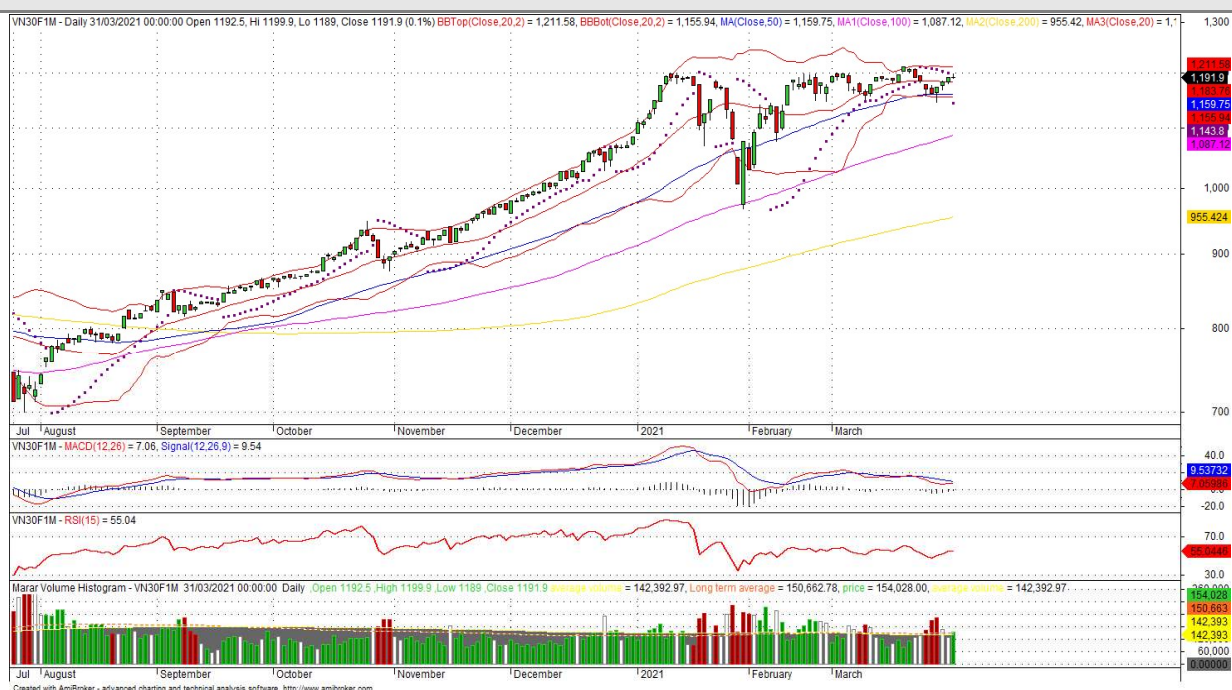
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (31/03/2021)	1.191,9	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.300
VN30 - đóng cửa	1.196	Hỗ trợ 1	1.100
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+0,7	Hỗ trợ 2	1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	5	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

Hợp đồng phái sinh VN30F1M tiếp tục đi ngang tích lũy ở trên vùng giá 1,190 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.6	3,878,210	2	TRUNG TÍNH	3,681	11.9	1.0
ACB	33.3	9,119,095	0	TRUNG TÍNH	71,980	9.4	2.0
ART	9.9	7,186,665	7	KHẢ QUAN	960	#N/A N/A	0.9
ASM	15.15	3,271,435	-4	TIÊU CỰC	3,922	7.9	0.9
BID	42.95	2,661,505	-2	TRUNG TÍNH	172,746	24.7	2.3
BSR	17.7	16,746,720	3	TRUNG TÍNH	54,879	19.7	1.6
BVH	59.6	801,705	-2	TRUNG TÍNH	44,242	28.6	2.2
CEO	12.1	5,749,100	-4	TIÊU CỰC	3,114	#N/A N/A	1.1
CII	25.55	3,443,160	4	KHẢ QUAN	6,102	24.8	1.3
CTD	72.9	897,280	-4	TIÊU CỰC	5,415	12.6	0.6
CTG	40.15	12,060,660	-2	TRUNG TÍNH	149,495	10.9	1.8
CTR	93.8	526,425	-6	TIÊU CỰC	6,733	36.5	7.5
DBC	58.1	2,519,390	-7	TIÊU CỰC	6,087	4.2	1.4
DCM	17.45	4,256,235	-2	TRUNG TÍNH	9,238	17.2	1.5
DGC	67.5	758,490	-4	TIÊU CỰC	10,042	11.8	2.6
DGW	117.9	358,470	-2	TRUNG TÍNH	5,070	18.9	4.4
DIG	27.6	4,181,345	-4	TIÊU CỰC	9,571	13.2	2.0
DPM	19.85	2,891,850	3	TRUNG TÍNH	7,768	11.2	1.0
DRC	28.8	1,918,495	0	TRUNG TÍNH	3,421	13.3	2.0
DXG	24	7,539,065	-4	TIÊU CỰC	12,439	#N/A N/A	2.0
FCN	14.7	3,762,195	0	TRUNG TÍNH	1,844	15.6	0.8
FIT	10.85	3,693,850	0	TRUNG TÍNH	2,764	49.1	0.9
FLC	12.75	34,456,472	5	KHẢ QUAN	9,052	56.6	1.0
FPT	77.7	2,227,480	-2	TRUNG TÍNH	60,909	17.2	3.9
FRT	30.45	2,168,225	0	TRUNG TÍNH	2,405	97.3	2.0
GAS	89.7	724,725	-4	TIÊU CỰC	171,681	21.9	3.5
GEX	23.8	6,864,840	4	KHẢ QUAN	11,471	14.1	1.7
GMD	33.85	2,372,085	4	KHẢ QUAN	10,202	29.9	1.7
GVR	27.8	3,718,920	-4	TIÊU CỰC	111,200	29.5	2.3
HAG	5.55	8,116,075	4	KHẢ QUAN	5,147	#N/A N/A	0.8
HAH	24.9	1,343,875	-4	TIÊU CỰC	1,180	9.1	1.1
HAP	15.35	3,465,675	-2	TRUNG TÍNH	851	21.0	1.2
HBC	17.75	6,813,105	-4	TIÊU CỰC	4,098	55.0	1.2
HCM	30.9	3,823,735	-4	TIÊU CỰC	9,426	17.8	2.1
HDB	26.4	4,266,520	0	TRUNG TÍNH	42,075	9.9	1.8
HDC	43.1	1,085,710	-6	TIÊU CỰC	2,867	12.4	2.5
HDG	43.2	1,734,010	-4	TIÊU CỰC	6,665	6.9	2.1
HHS	7.22	4,884,735	5	KHẢ QUAN	1,984	6.8	0.5
HNG	11.6	11,052,305	-4	TIÊU CỰC	12,859	598.5	1.5
HPG	46.8	16,640,585	2	TRUNG TÍNH	155,062	11.5	2.6
HPX	35.1	1,050,250	-6	TIÊU CỰC	9,284	33.8	2.9
HQC	3.17	18,617,310	0	TRUNG TÍNH	1,511	157.4	0.3
HSG	28.4	7,530,315	-2	TRUNG TÍNH	12,618	8.4	1.8
HUT	6.6	7,517,470	4	KHẢ QUAN	1,773	#N/A N/A	0.6
HVN	32.65	1,599,105	0	TRUNG TÍNH	46,307	#N/A N/A	7.2
IDC	37.6	2,945,925	0	TRUNG TÍNH	11,280	37.4	3.1
IJC	27.45	8,130,425	-6	TIÊU CỰC	5,959	10.8	1.8
ITA	6.89	10,829,590	-4	TIÊU CỰC	6,465	37.1	0.6
KBC	38.15	5,299,845	-2	TRUNG TÍNH	17,921	105.0	1.9
KDC	52.5	1,400,295	0	TRUNG TÍNH	12,009	52.7	2.1
KDH	30.45	1,608,100	-2	TRUNG TÍNH	17,016	14.9	2.1
KLF	4.1	11,646,435	4	KHẢ QUAN	678	308.0	0.4

KSB	32.35	1,760,230	-6	TIÊU CỰC	2,156	7.7	1.4
LCG	15.3	4,796,930	0	TRUNG TÍNH	1,763	5.7	1.0
LDG	8.49	8,304,710	7	KHẢ QUAN	2,033	169.8	0.7
LPB	17.35	11,147,235	7	KHẢ QUAN	18,645	10.0	1.3
MBB	28.15	15,582,140	-4	TIÊU CỰC	78,785	9.5	1.6
MBS	22.5	1,777,355	-4	TIÊU CỰC	3,697	13.8	1.8
MSN	92.5	1,145,970	7	KHẢ QUAN	108,658	87.8	6.8
MWG	129.7	647,395	-4	TIÊU CỰC	60,456	15.0	3.8
NKG	23.9	5,472,270	3	TRUNG TÍNH	4,111	14.1	1.3
NLG	35	1,252,590	0	TRUNG TÍNH	9,634	11.2	1.6
NVB	15.2	5,867,220	0	TRUNG TÍNH	6,183	5,101.9	1.5
NVL	80.5	2,252,900	-2	TRUNG TÍNH	79,778	20.2	3.1
OIL	14.3	3,110,440	-2	TRUNG TÍNH	14,789	#N/A N/A	1.6
PDR	62	3,358,720	-2	TRUNG TÍNH	27,019	23.1	5.3
PET	22.9	2,957,865	-4	TIÊU CỰC	1,914	14.3	1.2
PHR	58.4	713,795	-4	TIÊU CỰC	7,913	7.3	2.5
PLX	55.1	2,886,665	-1	TRUNG TÍNH	68,534	87.3	3.2
POW	13.2	18,717,564	-2	TRUNG TÍNH	30,913	14.1	1.1
PVD	22.6	8,698,805	-2	TRUNG TÍNH	9,518	79.4	0.7
PVM	25.3	2,376,470	-2	TRUNG TÍNH	978	19.6	2.1
PVS	23	12,204,365	-4	TIÊU CỰC	10,993	16.9	0.9
PVT	17.05	4,291,260	-4	TIÊU CỰC	5,518	8.7	1.1
REE	52.6	793,205	-5	TIÊU CỰC	16,256	10.0	1.4
ROS	4.82	25,924,210	7	KHẢ QUAN	2,736	1,606.7	0.5
S99	27.7	1,480,870	-2	TRUNG TÍNH	1,452	8.0	1.8
SBT	22.4	4,302,820	-2	TRUNG TÍNH	13,824	23.7	1.8
SCR	8.61	4,248,815	-4	TIÊU CỰC	3,154	17.7	0.7
SHB	25.7	39,879,768	7	KHẢ QUAN	44,988	16.3	1.9
SHS	28.3	8,113,795	-2	TRUNG TÍNH	5,866	7.8	1.8
SSI	31.75	9,929,150	-4	TIÊU CỰC	20,507	15.2	1.9
STB	21.45	30,322,174	7	KHẢ QUAN	38,688	14.4	1.3
TCB	40.4	11,112,705	-2	TRUNG TÍNH	141,598	11.5	1.9
TCH	22.9	4,871,570	-2	TRUNG TÍNH	8,575	8.9	1.6
TNG	22.6	2,421,350	-4	TIÊU CỰC	1,798	11.0	1.5
TPB	27.85	4,369,545	-2	TRUNG TÍNH	28,732	7.9	1.7
TTF	7.2	6,742,605	4	KHẢ QUAN	2,241	63.6	#N/A N/A
VCB	94.8	1,300,460	-6	TIÊU CỰC	351,602	19.1	3.6
VCI	63.9	1,524,900	-2	TRUNG TÍNH	10,582	13.7	2.3
VHC	38.8	1,138,530	-4	TIÊU CỰC	7,060	10.0	1.4
VHM	97.3	2,116,960	2	TRUNG TÍNH	320,070	11.7	3.7
VIC	117.9	1,930,540	7	KHẢ QUAN	398,789	69.8	4.8
VIX	30.95	7,934,640	-6	TIÊU CỰC	3,953	12.0	2.3
VJC	129.7	525,555	-4	TIÊU CỰC	67,942	982.0	4.5
VND	30.2	5,476,995	2	TRUNG TÍNH	6,478	9.1	1.6
VNM	98.4	3,196,645	-2	TRUNG TÍNH	205,652	20.6	6.6
VPB	44.65	4,542,255	0	TRUNG TÍNH	109,605	10.5	2.1
VPI	36.2	1,388,210	2	TRUNG TÍNH	7,240	23.6	2.6
VRE	32.7	4,683,645	-4	TIÊU CỰC	74,305	31.2	2.5

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Trung Quốc công bố PMI tháng 3 đạt 51,9 điểm

Chỉ số MSCI châu Á – Thái Bình Dương không gồm Nhật Bản tăng 0,51%. Tại Nhật Bản, Nikkei 225 giảm 0,63% còn Topix giảm 0,43%. Thị trường Trung Quốc đi xuống với Shanghai Composite giảm 0,7% còn Shenzhen Component giảm 1,03%. Hang Seng của Hong Kong giảm 0,15%. Trung Quốc hôm nay công bố chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sản xuất tháng 3 là 51,9 điểm, vượt mức dự báo 51 điểm từ giới phân tích. PMI sản xuất tháng 2 là 50,6 điểm. PMI trên 50 điểm phản ánh sự mở rộng và ngược lại. Chỉ số Kospi của Hàn Quốc ở chiều ngược lại, tăng 0,56%. ASX 200 của Australia tăng 1,73%. Cổ phiếu Mitsubishi UFJ Financial Group giảm hơn 2% sau khi bộ phận môi giới của công ty cảnh báo nguy cơ lỗ khoảng 300 triệu USD do một vụ việc ở chi nhánh châu Âu, liên quan đến một khách hàng ẩn danh ở Mỹ.

Mỹ đình chỉ thương mại với Myanmar

Đại diện thương mại Mỹ Katherine Tai hôm nay thông báo đình chỉ Thỏa thuận khung về Thương mại và Đầu tư được Washington và Naypyidaw ký năm 2013, thêm rằng hoạt động giao thương sẽ chỉ được nối lại khi chính quyền dân cử được khôi phục tại Myanmar. "Mỹ lên án mạnh mẽ hành động bạo lực của lực lượng an ninh Myanmar nhằm vào dân thường. Những hành động đó là đòn tấn công trực tiếp vào tiến trình dân chủ và nỗ lực của người dân Myanmar nhằm xây dựng tương lai hòa bình và thịnh vượng", Đại diện thương mại Mỹ Katherine Tai cho biết trong thông cáo. Thỏa thuận khung về Thương mại và Đầu tư được cựu tổng thống Myanmar Thein Sein ký trong chuyến thăm Mỹ tháng 5/2012, nhằm mục đích thúc đẩy đối thoại và hợp tác song phương về đầu tư - thương mại. Theo đó, hai nước hợp tác để đưa ra các sáng kiến hỗ trợ chương trình cải cách Myanmar và thúc đẩy phát triển toàn diện vì lợi ích của người dân, đặc biệt là tầng lớp nghèo.

Các tổ chức quốc tế hạ dự báo tăng trưởng sau kết quả GDP quý I Việt Nam là 4,48%

Ngân hàng UOB cũng hạ dự báo từ mức 7,1% trước đó xuống 6,7%. Đại diện bộ phận nghiên cứu của UOB, ông Suan Teck Kin nhấn mạnh: "Mặc dù dự báo tăng trưởng hạ, Việt Nam vẫn là một trong số ít nền kinh tế trên thế giới ghi nhận tăng trưởng dương trong năm nay". Dự báo sửa đổi cũng nêu rõ, tăng trưởng trung bình trong 3 quý còn lại sẽ đạt mức 7,5%. Ngoài ra, các chuyên gia kinh tế của Maybank Kim Eng, bà Linda Liu và ông Chua Hak Bin cũng hạ dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2021 từ 6,8% xuống 6,5%. "Việt Nam sẽ tiếp tục đà phục hồi kinh tế bởi triển vọng xuất khẩu, hoạt động sản xuất cũng như dòng vốn FDI được cải thiện". Cũng trong quý 1/2021, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 10,13 tỷ USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, vốn giải ngân tăng 6,5% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt mức 4,1 tỷ USD.

STB: còn gần 2.500 tỷ đồng tài sản chờ thanh lý

Trong danh sách tài sản cần thanh lý mới nhất của Sacombank ([HoSE: STB](#)), bất động sản có giá chào bán cao nhất là lô đất 9.165m² tại đường Lê Hồng Phong,

Hải Phòng, thời hạn sử dụng đến tháng 8/2058, được rao giá 400 tỷ đồng. Tài sản tiếp theo là thửa đất diện tích 52.976 m² tại Bình Chánh, TP HCM, có thời hạn sử dụng 50 năm từ 2003, có giá 397,5 tỷ đồng và bất động sản khác tại Bình Thạnh, TP HCM diện tích 6.328 m², thời hạn sử dụng đến năm 2044, được rao giá 376,8 tỷ đồng. Ngoài ra, ngân hàng cũng rao bán 4 khu đất tại Quận 5, TP HCM với tổng giá trị 277 tỷ đồng, cùng nhiều bất động sản khác với giá dao động từ 28-260 tỷ đồng. Sacombank cũng đang bán diện tích mặt sàn và căn hộ tại dự án Xi Grand Court. Danh sách tài sản thanh lý mới nhất của Sacombank thiếu đi nhiều bất động sản lớn giá trị gần ngàn tỷ đồng từng được rao bán. Đơn cử, nhà băng này từng rao quyền tài sản phát sinh từ 27 hồ sơ đền bù với diện tích 20.803 m² thuộc dự án khu dân cư Bảo Hưng và 2 quyền sử dụng đất với diện tích 12.669m² tại phường 6, quận 6, TP HCM với giá 711 tỷ đồng.

HDB: HDBank lãi hơn 5.800 tỷ đồng sau kiểm toán

HDBank ([HoSE: HDB](#)) công bố báo cáo kiểm toán năm 2020, toàn bộ các chỉ tiêu tài chính sau khi được kiểm toán bởi EY không thay đổi so với báo cáo ngân hàng công bố trước đó, hoàn thành vượt kế hoạch đại hội cổ đông giao. Tại 31/12/2020, tổng tài sản hợp nhất đạt 319.127 tỷ đồng, tăng 39% so với năm 2019 và hoàn thành 104,5% kế hoạch. Huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và dân cư đạt 208.953 tỷ đồng tăng 38% và hoàn thành 111% kế hoạch. Dư nợ tín dụng đạt 188.228 tỷ đồng, tăng 23% hoàn thành 105,8% kế hoạch. Tỷ lệ nợ xấu/cho vay khách hàng tại ngân hàng mẹ đạt 0,93%, thuộc nhóm ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất. Toàn bộ trái phiếu VAMC đã được tất toán trước thời hạn. Các chỉ tiêu an toàn của HDBank không ngừng được nâng cao. Trong đó, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn được kiểm soát chỉ 24,8% so với mức tối đa theo quy định là 40%

VIC: muốn rút vốn khỏi Vinatex sau 7 năm đầu tư

Tập đoàn Vingroup ([HoSE: VIC](#)) thông báo đăng ký bán 25 triệu cổ phiếu VGT của Vinatex ([UPCoM: VGT](#)) từ ngày 1/4 đến 29/4. Giao dịch được thực hiện theo phương thức thỏa thuận hoặc khớp lệnh. Nếu giao dịch thành công, Vingroup sẽ giảm sở hữu Vinatex từ 50 triệu cổ phiếu xuống 25 triệu cổ phiếu, tỷ lệ giảm từ 10% xuống 5%. Cổ phiếu VGT đang ở vùng giá 18.000 đồng/cp, tăng 80% trong vòng 3 tháng qua. Tạm tính theo giá này, Vingroup thu về khoảng 450 tỷ đồng. Vingroup đầu tư vào Vinatex từ năm 2014 khi trở thành nhà đầu tư chiến lược mua 10% vốn trong đợt cổ phần hóa tập đoàn. BCTC Vingroup ghi nhận khoản đầu tư vào Vinatex trị giá 552 tỷ đồng, tương đương 11.000 đồng/cp. Nếu bán được tại mức giá trên, đây là khoản đầu tư mang lại lợi nhuận 64% sau 7 năm.

AGG: dự kiến tăng vốn gấp đôi để gia tăng quỹ đất

Sáng nay (ngày 31/3), CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia ([HoSE: AGG](#)) tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2021. HĐQT trình kế hoạch phát hành hơn 8,27 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020, tỷ lệ 10% và chào bán hơn 82,7 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 1:1. Tổng lượng phát hành dự kiến hơn 91 triệu cổ phiếu. Vốn điều lệ sau phát hành gấp hơn 2,1 lần, đạt 1.737,6 tỷ đồng. Trong đó, giá chào bán cổ phiếu được ủy quyền cho HĐQT xác định nhưng phải lớn hơn hoặc bằng 10.000 đồng/cp. Cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm một cổ phiếu mới và không bị hạn chế chuyển nhượng. Trong

trường hợp cổ phần không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt đủ kế hoạch, HĐQT được ủy quyền tiếp tục chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc người lao động của công ty, nhà đầu tư khác với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. HĐQT cũng có thể cân nhắc lựa chọn, điều chỉnh phương án đầu tư và sử dụng vốn để không ảnh hưởng đến nguồn vốn, hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của công ty hoặc tính đến phương án vay vốn lưu động từ ngân hàng.

CVT: chia cổ tức 20%, dự kiến mua 10% cổ phiếu quỹ

Công ty cổ phần CMC ([HoSE: CVT](#)) vừa thông qua nghị quyết mua lại tối đa 10% cổ phiếu quỹ và chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021. Hội đồng quản trị CMC thông qua chủ chương sẽ mua lại tối đa hơn 3,6 triệu cổ phiếu (tương đương với 10% vốn điều lệ) để làm cổ phiếu quỹ. Mục đích của giao dịch lần này là giảm khối lượng cổ phiếu đang lưu hành, tăng hiệu quả cho doanh nghiệp, gia tăng giá trị cho các cổ đông.

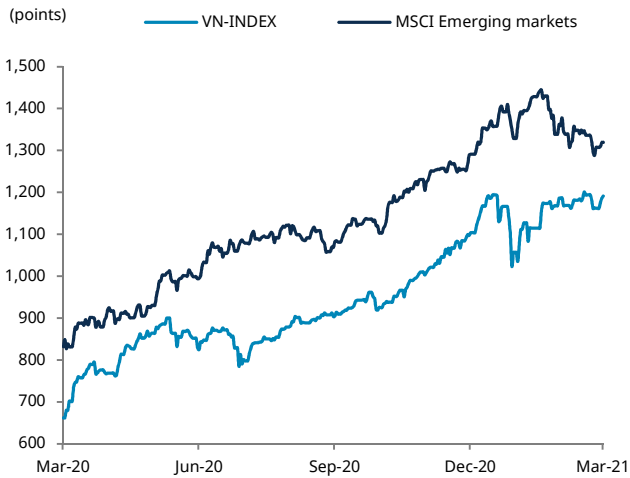
D2D muốn chia cổ tức 35% cho năm 2020

HĐQT Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 ([HoSE: D2D](#)) vừa thông qua chính sách cổ tức dự kiến cho năm 2020 là 35%/mệnh giá, tương đương với tổng giá trị hơn 106 tỷ đồng (kế hoạch cổ tức ban đầu 30%). Công ty này có truyền thống chi trả cổ tức bằng tiền mặt. Năm 2020, D2D ghi nhận tổng doanh thu giảm 39% về còn 500 tỷ đồng, do hụt thu dự án khu dân cư Lộc An và khu dân cư phường Thống Nhất. Lợi nhuận sau thuế giảm 29% xuống còn 268 tỷ đồng, vẫn vượt 50% kế hoạch lợi nhuận đề ra. Sang năm 2021, công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu tăng nhẹ lên 502 tỷ đồng. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng nhẹ lên gần 269 tỷ đồng. Cổ tức dự kiến cho năm 2021 là 30%. Công ty đang duy trì lượng tiền và tiền gửi ngắn hạn khá lớn 964 tỷ đồng, chiếm hơn 48% tổng tài sản. Công ty có 535 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, 69 tỷ thặng dư vốn cổ phần và 46 tỷ quỹ đầu tư phát triển.

DIC: Lợi nhuận năm 2020 của DIC Corp tăng 13% sau kiểm toán

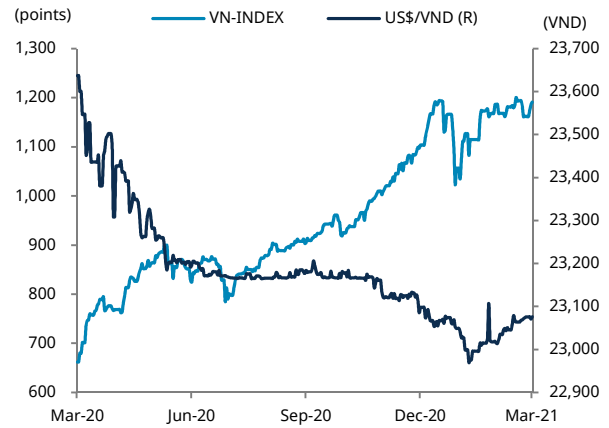
Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp; [HoSE: DIG](#)), đơn vị này đạt gần 722 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế năm 2020, tăng 12,6% so với báo cáo tài chính tự lập (641 tỷ đồng). Sự chênh lệch này đến từ việc chi phí tài chính giảm gần 56% từ 128,2 tỷ đồng xuống còn 56,7 tỷ đồng do không còn ghi nhận 82 tỷ đồng ở phần nhượng bán các khoản đầu tư tài chính. Với kết quả trên, lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 94% so với 2019. Năm 2020, kế hoạch lợi nhuận trước thuế ở mức 650 tỷ đồng, như vậy, doanh nghiệp này đã vượt 38,4% kế hoạch. Mới đây, DIC Corp thông báo quyết định HĐQT thông qua đơn từ nhiệm của 3 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022 là bà Phan Thị Mai Hương, bà Nguyễn Thảo My và ông Nguyễn Quang Tín kể từ ngày 26/3. Trong đó, bà Mai Hương và bà Thảo My là thành viên HĐQT độc lập. Vào cuối năm 2020, HĐQT cũng đã chấp thuận đơn từ nhiệm của 2 thành viên HĐQT là ông Đinh Quang Hoàn và ông Trần Thái Phong kể từ ngày 14/12/2020.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



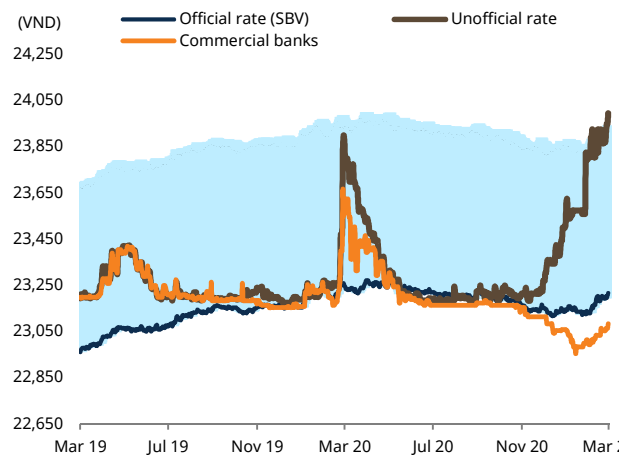
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



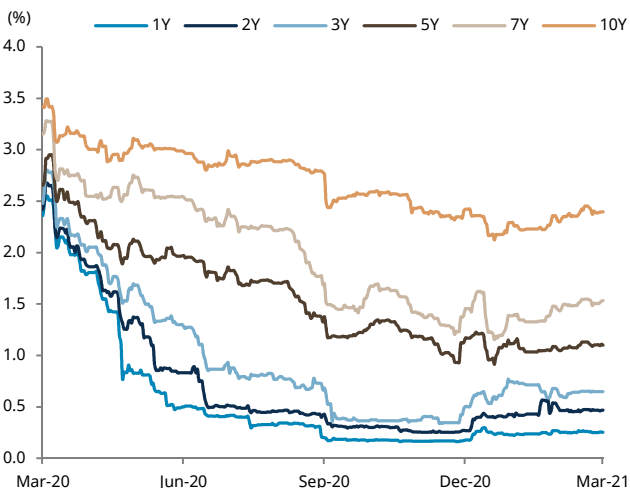
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



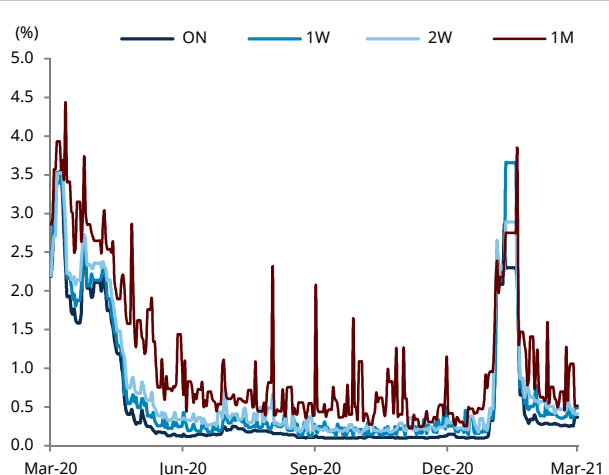
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,196.24	3,071,479		0.5	2.6	1.9	95.9	15.4	13.0	2.7	2.3	18.4	17.5	19.1	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,950	172,746	17.1	0.2	1.9	-1.5	39.2	17.4	12.3	1.9	1.6	41.8	12.0	15.4	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	59,600	44,242	27.6	-0.7	0.2	0.8	61.1	27.2	21.8	2.1	1.9	25.0	8.2	9.5	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	40,150	149,495	27.3	-0.6	2.9	7.8	133.4	9.0	8.4	1.5	1.4	7.6	17.9	17.1	
CTCP FPT	FPT VN	77,700	60,909	49.0	0.8	0.9	2.0	117.4	15.5	13.1	3.3	2.9	18.1	24.4	25.8	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	89,700	171,681	2.9	0.1	-0.4	0.4	63.7	16.8	16.4	3.2	3.1	2.4	19.1	19.3	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	26,400	42,075	16.8	0.8	3.5	5.0	144.7	7.7	6.4	1.6	1.3	18.9	18.9	18.7	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,800	155,062	30.2	0.8	3.0	2.6	233.3	9.2	8.3	2.1	1.7	11.4	25.4	23.3	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	30,450	17,016	34.9	0.2	-1.5	-4.5	72.8	13.9	10.6	1.9	1.7	31.8	15.2	17.6	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	28,150	78,785	23.1	-0.5	2.0	1.8	141.1	7.7	6.4	1.4	1.2	19.7	19.8	20.1	
Tập đoàn Masan	MSN VN	92,500	108,658	32.1	4.5	8.7	2.4	88.8	43.3	23.8	5.3	4.3	81.9	12.9	20.9	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	129,700	60,456	49.0	0.2	-0.2	-3.9	120.2	12.1	9.4	3.0	2.5	28.8	28.0	28.9	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	80,500	79,778	6.3	-0.2	0.9	1.1	56.9	20.3	17.4	2.6	2.2	16.8	11.4	11.4	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	62,000	27,019	2.3	0.3	-1.1	8.3	231.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	55,100	68,534	16.4	-0.7	-2.1	-5.3	51.0	20.8	16.8	2.9	2.8	23.3	15.9	17.2	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	84,500	19,212	49.0	0.0	0.5	-0.5	80.2	15.5	12.2	3.3	2.7	27.4	22.6	24.1	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,200	30,913	3.7	0.0	3.5	4.8	86.2	14.2	12.6	1.0	1.0	13.0	7.6	7.9	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	52,600	16,256	49.0	-1.1	-2.6	-7.2	92.7	9.1	7.6	1.3	1.2	19.9	14.7	15.3	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	22,400	13,824	8.0	0.9	-1.3	3.2	76.4	NA	NA	NA	NA	NA	7.4	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	31,750	20,507	41.5	-0.2	1.4	-4.4	217.5	14.2	13.2	NA	NA	7.1	12.7	12.8	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	21,450	38,688	9.1	4.6	16.6	16.9	193.8	14.8	8.9	1.3	1.1	66.0	9.5	13.5	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	40,400	141,598	22.5	0.9	2.8	2.9	169.3	9.6	8.3	1.6	1.3	15.1	18.2	17.6	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,900	8,575	5.1	0.4	4.6	5.0	38.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	27,850	28,732	30.0	0.2	3.3	1.1	98.4	7.4	5.3	1.4	1.1	38.8	23.3	24.1	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	94,800	351,602	23.5	0.0	0.1	-3.5	52.9	16.6	13.5	3.0	2.5	23.1	20.4	21.3	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	97,300	320,070	22.2	1.0	0.1	-4.2	76.9	10.5	8.7	2.8	2.1	20.7	31.0	28.2	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	117,900	398,789	14.3	0.8	9.3	8.2	41.4	55.1	38.6	4.3	3.8	42.5	8.2	11.3	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	129,700	67,942	19.1	-1.4	1.3	-4.0	33.4	62.8	22.2	4.1	3.3	182.7	5.2	18.8	
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	98,400	205,652	56.1	-0.8	-0.3	-6.1	29.8	19.3	17.5	6.0	5.4	10.0	35.1	35.6	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	44,650	109,605	23.4	-0.7	1.2	11.6	163.4	9.1	7.6	1.7	1.4	19.0	19.9	19.9	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,700	74,305	30.6	0.3	-2.1	-1.5	70.8	26.2	20.4	2.4	2.1	28.1	9.3	11.0	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN-Index	5.08	4,452,594	0.4	2.6	2.0	79.8	18.4	15.1	2.5	2.4	22.3	13.6	17.5	
Ô tô và phụ tùng	0.01	8,497	0.5	3.6	7.2	84.5	5.9	5.6	1.1	1.0	24.1	10.9	10.6	
Ngân hàng	1.31	1,334,103	0.4	2.7	3.8	86.8	12.6	10.2	2.0	1.7	19.2	18.0	18.5	
Xây dựng cơ bản	-0.02	174,983	0.0	3.0	3.3	122.2	5.5	4.6	0.4	0.4	NA	5.4	5.5	
Dịch vụ thương mại	0.01	4,712	0.5	1.9	3.1	55.4	6.7	5.3	NA	NA	-29.5	11.1	13.0	
May mặc và trang sức	0.10	41,550	1.0	6.2	16.5	296.2	13.4	11.1	2.6	2.1	-8.5	17.7	17.5	
Dịch vụ tiêu dùng	0.02	9,296	0.2	3.4	4.5	50.9	14.0	4.8	NA	NA	NA	3.7	9.7	
Dịch vụ tài chính	-0.06	62,580	-0.3	2.4	4.4	206.2	9.6	4.2	NA	NA	40.8	8.9	4.0	
Năng lượng	-0.14	86,763	-0.6	-0.5	-4.4	77.2	20.5	16.0	2.4	2.4	-63.6	13.7	14.9	
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.60	537,165	1.2	3.2	-2.1	59.4	22.0	16.2	4.5	4.0	-14.8	22.4	23.8	
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	930	-3.1	3.5	5.8	97.8	NA	NA	NA	NA	-41.2	NA	NA	
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.03	12,031	-1.1	1.1	4.6	7.9	6.9	6.1	NA	NA	51.0	24.0	24.0	
Bảo hiểm	-0.08	50,904	-0.6	1.8	1.1	56.9	24.2	19.4	1.9	1.7	28.7	7.6	8.7	
Nguyên vật liệu	0.09	377,680	0.1	1.9	3.4	217.3	13.5	13.3	1.7	0.9	54.6	16.1	14.7	
Giải trí và truyền thông	0.00	1,220	0.4	3.4	-1.8	-18.2	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA	
Dược phẩm	-0.02	35,366	-0.2	0.8	2.3	43.9	NA	NA	NA	NA	11.7	NA	NA	
Bất động sản	1.69	1,098,794	0.6	2.9	3.0	71.3	9.2	8.1	1.7	1.6	-34.6	9.7	9.8	
Bán lẻ	0.03	68,818	0.2	-0.1	-3.2	117.2	26.9	19.6	2.8	2.4	-3.4	14.2	15.0	
Phần mềm và dịch vụ	0.11	65,193	0.6	2.0	2.4	115.4	11.3	8.8	2.6	2.2	10.2	25.3	26.1	
Thiết bị và phần cứng	-0.02	5,070	-1.8	2.5	24.6	566.1	14.5	12.3	3.1	2.7	56.9	22.8	24.1	
Dịch vụ viễn thông	-0.02	1,177	-5.9	-3.6	-1.9	367.6	13.4	10.9	3.5	2.8	14.2	27.1	26.8	
Vận tải	-0.23	177,177	-0.5	0.9	1.5	61.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tiện ích	0.15	260,760	0.2	1.4	1.5	60.2	27.0	10.4	5.1	4.1	-27.7	-20.1	10.8	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	92,500	4.52	3,145,400	1.25
VHM VN	97,300	1.04	1,897,500	0.87
SAB VN	180,000	2.86	168,700	0.85
VIC VN	117,900	0.77	2,823,600	0.81
VIB VN	48,400	4.31	1,462,600	0.59
SSB VN	28,150	6.83	4,138,700	0.58
STB VN	21,450	4.63	56,674,000	0.46
TCB VN	40,400	0.87	10,304,100	0.33
HPG VN	46,800	0.75	16,323,700	0.31
EIB VN	20,100	3.08	2,160,100	0.20

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VNM VN	98,400	-0.81	2,815,600	-0.44
GVR VN	27,800	-1.42	2,056,900	-0.43
VJC VN	129,700	-1.44	456,300	-0.26
CTG VN	40,150	-0.62	11,841,600	-0.25
VPB VN	44,650	-0.67	2,875,600	-0.20
PLX VN	55,100	-0.72	935,900	-0.13
MBB VN	28,150	-0.53	10,510,400	-0.11
BCM VN	57,500	-0.52	2,600	-0.08
BVH VN	59,600	-0.67	571,200	-0.08
KBC VN	38,150	-1.17	2,563,500	-0.06

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.